

KẾ HOẠCH

Kế hoạch triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Chương trình hành động số 43-CTr/TU, ngày 14/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 21/3/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Kế hoạch triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”; Kế hoạch số 305-KH/TU, ngày 09/5/2025 của Thành ủy Đà Nẵng về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”; Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai sâu rộng Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” nhằm phổ cập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người dân với tinh thần cách mạng, toàn dân, toàn diện, không ai bị bỏ lại phía sau trong tiến trình chuyển đổi số; mọi người dân đều được trang bị kiến thức, kỹ năng số cần thiết để áp dụng trong cuộc sống hằng ngày. Chú trọng phổ cập kỹ năng số cho các nhóm yếu thế như người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo họ có thể tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số cơ bản, góp phần thu hẹp khoảng cách số giữa các nhóm dân cư. Xây dựng văn hóa số, nâng cao ý thức sử dụng công nghệ an toàn, trách nhiệm và đạo đức, góp phần hình thành môi trường số lành mạnh và bền vững.

b) Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hành động của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp, các tầng lớp Nhân dân về vai trò, ý nghĩa của chuyển đổi số, công tác phổ cập kỹ năng số, khơi dậy động lực tự thân của mỗi người trong học tập, rèn luyện kỹ năng số và tham gia đầy đủ vào tiến trình chuyển đổi số quốc gia. Đồng thời, đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Yêu cầu

a) Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” được triển khai toàn diện, sâu rộng đến tận thôn, tổ dân phố tạo nên cuộc vận động toàn dân thi đua học tập, rèn luyện kỹ năng số, tích cực tham gia vào tiến trình chuyển đổi số. Cán bộ, đảng viên tiên phong, gương mẫu thực hiện Phong trào, góp phần lan tỏa tinh thần tự học, tự nâng cao tri thức, kỹ năng số, chuyển quá trình học tập, rèn luyện, nâng cao và ứng dụng tri thức số trở thành nhu cầu tự thân của mỗi người dân.

b) Thực hiện bài bản, khoa học, linh hoạt và sáng tạo, bám sát tình hình thực tế của đất nước và từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Phát huy cao độ vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục, đơn vị công nghệ nhằm kiến tạo hệ sinh thái học tập số đa dạng, phong phú. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng học tập trực tuyến, bảo đảm phương thức tiếp cận linh hoạt, phù hợp với mọi đối tượng, nhất là các nhóm yếu thế.

c) Triển khai nhanh, rộng khắp, bao trùm, có tính hệ thống, gắn kết, hoàn thành sớm. Tích hợp công nghệ số vào mọi mặt đời sống, giúp người dân kết nối, tương tác và phát triển kỹ năng số để sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, hình thành thói quen và văn hóa trong môi trường số.

d) Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, bảo đảm hiệu quả thực chất. Bảo đảm an ninh dữ liệu, an toàn thông tin trong suốt quá trình triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số”.

II. NỘI DUNG PHONG TRÀO

1. Tuyên truyền, phổ biến, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về chuyển đổi số và công tác phổ cập kỹ năng số cho người dân trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm hỗ trợ và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, công tác phổ cập kỹ năng số cho người dân với phương châm “không ai bị bỏ lại phía sau” và “người dân, doanh nghiệp là trung tâm, mục tiêu, động lực của chuyển đổi số”.

3. Triển khai toàn diện, đồng bộ các giải pháp, tập trung nguồn lực, huy động sự tham gia, phối hợp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; cập nhật, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công; phổ cập kỹ năng số cho học

sinh, sinh viên, người lao động trong các doanh nghiệp, người dân trong học tập, nghiên cứu, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ thiết yếu khác.

4. Thi đua tự học về chuyển đổi số, rèn luyện phát triển kỹ năng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; khai thác có hiệu quả các dịch vụ, nền tảng số, các công nghệ số, nhất là trí tuệ nhân tạo trong công việc và cuộc sống; xây dựng đơn vị số, cộng đồng số, gia đình và cộng dân số.

5. Gắn kết Phong trào “Bình dân học vụ số” với triển khai thực hiện Đề án của Chính phủ: Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (ban hành theo Quyết định số 146/QĐ-TTg, ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ); với phong trào thi đua “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023 - 2030” (theo Quyết định số 1315/QĐ-TTg, ngày 09/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ); Đề án “Người cao tuổi tham gia chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khởi nghiệp và tạo việc làm” (theo Quyết định số 379/QĐ-TTg, ngày 20/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ); và các Đề án, kế hoạch của thành phố: Đề án truyền thông Chuyển đổi số tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2022 – 2025 (theo Quyết định số 2780/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND thành phố) và Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025 (theo Kế hoạch số 193/KH-UBND, ngày 07/11/2022 của UBND thành phố) đến người dân.

6. Xây dựng các chương trình đào tạo riêng biệt cho người cao tuổi (*sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số,..*), người khuyết tật (*công nghệ hỗ trợ như đọc màn hình, dịch thuật...*) và người nghèo (*hỗ trợ thiết bị, kết nối internet...*). Tổ chức các lớp học cộng đồng với giáo trình đơn giản, sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu và phương pháp giảng dạy trực quan.

III. CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Năm 2025

a) 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng được các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.

b) 100% học sinh trung học và sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, có kỹ năng an toàn trong học tập và tương tác xã hội trong môi trường số.

c) 80% người dân trong độ tuổi trưởng thành có tri thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh để khai thác thông tin, sử dụng nền tảng, dịch vụ số thiết yếu, biết bảo vệ bản thân trên môi trường số.

d) 80% người dân trưởng thành được xác nhận đạt phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số trên nền tảng VNeID.

e) 80% người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã có kiến thức cơ bản về công nghệ số, có kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh để phục vụ sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động.

2. Năm 2026

a) Duy trì 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng tốt các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.

b) 100% học sinh từ cấp tiểu học được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, nhận biết được nguy cơ, có kỹ năng bảo đảm an toàn trên môi trường số.

c) 100% người dân trong độ tuổi trưởng thành có tri thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng tốt thiết bị thông minh để khai thác thông tin, sử dụng nền tảng, dịch vụ số thiết yếu, tham gia tương tác, an toàn trên môi trường số.

d) 100% người dân trong độ tuổi trưởng thành được xác nhận đạt phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số trên nền tảng VNeID.

e) 100% người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã có kiến thức về công nghệ số, có kỹ năng số, sử dụng tốt thiết bị thông minh để phục vụ sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động.

IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số”

a) Thực hiện truyền thông sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, các nền tảng mạng xã hội về chuyển đổi số và Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số”. Huy động những người có ảnh hưởng trong cộng đồng tham gia truyền thông, lan tỏa Phong trào. Phổ biến đến từng hộ gia đình, người dân về mục đích, ý nghĩa của Phong trào “Bình dân học vụ số”. Tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc làm chủ công nghệ số, kỹ năng số trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

b) Duy trì, vận hành Cổng thông tin điện tử thành phố, Tổng đài 1022, Cổng thông tin chuyển đổi số thành phố, cổng thông tin của thành phố về Phong trào để cung cấp thông tin về Phong trào “Bình dân học vụ số” và “Học tập số” tới đông đảo nhân dân với nhiều phương thức khác nhau.

c) Triển khai “Ngày hội toàn dân học tập số” vào ngày 10/10 hằng năm (Ngày Chuyển đổi số quốc gia). Kết hợp giữa các hoạt động trực tuyến và trực tiếp tại các địa phương như tổ chức các hội thảo, tọa đàm và hội nghị; trải nghiệm và hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, lớp học số cho cộng đồng. Tổ chức các hội thi phong trào, ngày hội về hoạt động chuyển đổi số để kết nối, học hỏi, nâng cao kiến thức của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tạo hiệu quả truyền thông về chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

2. Xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, phổ cập kỹ năng số

a) Khẩn trương xây dựng và ban hành Khung kỹ năng số, kèm theo hướng dẫn đánh giá, xác nhận đạt trình độ phổ cập kỹ năng số cho bốn nhóm đối tượng: cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước; học sinh, sinh viên; người lao động trong các doanh nghiệp, người dân (**hoàn thành tháng 5/2025**);

b) Xây dựng và ban hành Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp, cống hiến, đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” (**hoàn thành tháng 5/2025**).

c) Xây dựng chương trình phổ cập phù hợp với khung kỹ năng số của từng nhóm đối tượng phổ cập, tập trung vào nội dung cốt lõi, tăng cường thực hành, ứng dụng trong công việc và đời sống (**hoàn thành tháng 6/2025**). Biên soạn, phát hành các tài liệu, bài giảng cho từng chương trình phổ cập đa dạng về thể loại (văn bản, hình ảnh, âm thanh, video, bài trình chiếu), ngắn gọn dễ hiểu, dễ thực hiện, triển khai cho cả người dạy và người học, phù hợp để đưa lên các nền tảng trực tuyến, đáp ứng số lượng lớn người tham gia (**hoàn thành tháng 7/2025**).

d) Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách thu hút cộng đồng, doanh nghiệp công nghệ, các tổ chức xã hội tích cực tham gia hiệu quả Phong trào “Bình dân học vụ số” (**hoàn thành tháng 7/2025**).

3. Xây dựng các nền tảng trực tuyến “Bình dân học vụ số”

a) Triển khai việc học tập trên nền tảng học trực tuyến “Bình dân học vụ số” để đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho mọi đối tượng từ tháng 5/2025.

b) Tổ chức triển khai nền tảng tích hợp với VNeID để tuyên truyền về chuyển đổi số, định danh, xác thực người học, phục vụ đào tạo, đánh giá, xác nhận trình độ phổ cập kỹ năng số, năng lực số theo hướng tự động.

c) Nghiên cứu ứng dụng triển khai các dịch vụ, nền tảng số thuộc nhiều lĩnh vực, ngành nghề để người dân thực hành, sử dụng ngay trong quá trình rèn luyện kỹ năng số.

d) Phát triển trợ lý ảo hỗ trợ học tập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, phát triển kỹ năng số dựa trên công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên. Hệ thống sử dụng trí tuệ nhân tạo nhằm cá nhân hóa nội dung học, bảo đảm trải nghiệm phù hợp với trình độ và nhu cầu của từng người dùng.

4. Phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho từng nhóm đối tượng

a) Cập nhật, nâng cao tri thức, phổ cập kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước.

- Xây dựng, hướng dẫn về việc tổ chức sinh hoạt chuyên đề về chuyển đổi số, kỹ năng số trong các cơ quan, đơn vị, địa phương; đặc biệt lan tỏa các sinh hoạt chuyên đề trong các tổ chức toàn tỉnh, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong việc học tập, nâng cao nhận thức, phát triển kỹ năng số, thúc đẩy chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn để cập nhật, nâng cao trình độ về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, phù hợp với tiến trình chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.

- Lồng ghép, đưa nội dung chuyển đổi số, phát triển kỹ năng số vào các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước theo quy định.

b) Giáo dục kỹ năng số cho học sinh, sinh viên

- Tích hợp giáo dục kỹ năng số cho học sinh, sinh viên trong chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học. Đặc biệt coi trọng kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục và đào tạo.

- Triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế”, trong đó liên kết các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo với doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số theo yêu cầu thực tế và đặt hàng của doanh nghiệp.

- Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, phát triển các mô hình giáo dục mới dựa trên công nghệ số và trí tuệ nhân tạo,

tạo dựng môi trường để học sinh, sinh viên tiếp cận, hình thành kỹ năng số và hưởng lợi từ thành quả chuyển đổi số của ngành.

- Phát huy vai trò của học sinh, sinh viên trong hoạt động tình nguyện tham gia phổ cập kỹ năng số cho người dân, trước hết là người thân trong gia đình, những người có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế.

c) Phổ cập kỹ năng số cho người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã

- Tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng số để công nhân và người lao động tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nắm vững xu hướng chuyển đổi số của đơn vị, ứng dụng công nghệ mới để nâng cao năng suất, hiệu quả lao động.

- Tổ chức các khóa đào tạo, hướng dẫn người lao động về cách sử dụng các công cụ và phần mềm quản lý sản xuất, vận hành máy móc tự động hóa, giám sát và kiểm tra chất lượng sản phẩm, các kiến thức, kỹ năng về thương mại điện tử.

d) Phổ cập kỹ năng số cho người dân

- Định kỳ hằng tuần, tổ chức các buổi học cộng đồng cho người dân trên địa bàn xã, phường; triển khai chương trình "mỗi tuần một kỹ năng số". Tập trung vào các nội dung thiết thực, có thể áp dụng ngay, gắn với triển khai các đề án của Chính phủ và thành phố về chuyển đổi số. Khuyến khích người dân tham gia học tập kỹ năng số trên các nền tảng học trực tuyến.

- Các thôn, tổ dân phố phối hợp với Tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn thanh niên, doanh nghiệp công nghệ số, hội phụ nữ và các tổ chức xã hội nghề nghiệp cử hội viên có hiểu biết công nghệ hướng dẫn người dân, nhất là người cao tuổi, lao động phổ thông sử dụng các nền tảng, dịch vụ số theo hướng “cầm tay chỉ việc”.

- Tổ chức các lớp học “Binh dân học vụ số” cho người cao tuổi về sử dụng Internet, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, nhất là an toàn số và chăm sóc sức khỏe trực tuyến.

- Tổ chức các lớp phổ cập công nghệ, kỹ năng số chuyên biệt cho người khuyết tật với chương trình giảng dạy phù hợp với khả năng và nhu cầu của từng nhóm. Duy trì và nâng cấp các trang thông tin điện tử hỗ trợ người khuyết tật, bảo đảm giao diện thân thiện, tích hợp các công cụ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận văn bản, âm thanh, dịch thuật, ...theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Hỗ trợ người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa tiếp cận, sử dụng dịch vụ, nền tảng số. Thực hiện đồng bộ các chính sách nhằm bảo

đảm người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa có khả năng tiếp cận, sử dụng công nghệ số, thu hẹp khoảng cách số với thành thị.

5. Triển khai các mô hình, phong trào lan tỏa kỹ năng số cho cộng đồng

a) Mạng lưới “Đại sứ số”: Xây dựng mạng lưới “Đại sứ số” để phổ cập kỹ năng số cho cộng đồng qua mô hình Người hướng dẫn (mentor) - Người học (mentee). Mỗi “mentor” hướng dẫn kỹ năng số cho ít nhất 5 “mentee”. Mỗi phường, xã bố trí ít nhất một nhân sự hỗ trợ, hướng dẫn khi người dân đến làm thủ tục hành chính nhưng không đủ kỹ năng thao tác trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.

b) Phong trào “Gia đình số”: Mỗi hộ gia đình có ít nhất một thành viên tham gia học tập, có hiểu biết về chuyển đổi số, kỹ năng số, sử dụng được nền tảng, dịch vụ số và hướng dẫn cho các thành viên trong gia đình.

c) Mô hình “Chợ số - Nông thôn số”: Đào tạo tiểu thương, nông dân và người dân khu vực nông thôn qua mô hình học tập 4T (Tiểu thương - Thương mại điện tử - Thanh toán không dùng tiền mặt - Tiết kiệm số), giúp người học nắm vững các kỹ năng, sử dụng công nghệ, nền tảng số trong công việc kinh doanh.

d) Mô hình “Mỗi công dân - Một danh tính số”: Bảo đảm 100% công dân từ 16 tuổi có danh tính số, hỗ trợ người dân cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, tài khoản ngân hàng số.

đ) Mô hình “Tổ công nghệ số cộng đồng”: Phát huy cao độ vai trò, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng đã được thành lập trong triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số”; tiếp tục duy trì, thực hiện phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”, nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, những nơi có điều kiện khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm mọi người dân đều được phổ cập kỹ năng cơ bản về chuyển đổi số.

e) Chiến dịch Thanh niên chung tay phổ cập kỹ năng số: Các cơ sở đoàn tại địa phương trên địa bàn thành phố thực hiện chiến dịch thường xuyên theo chuyên đề riêng hoặc lồng ghép vào hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, Tổ thanh niên chuyển đổi số. Thanh niên tình nguyện tổ chức các lớp, nhóm hướng dẫn cho người dân cách thức cài đặt, sử dụng các phần mềm, ứng dụng, sản phẩm, dịch vụ số.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí triển khai thực hiện Phong trào thi đua được bố trí trong kinh phí thực hiện các chương trình, đề án đã được Thủ tướng Chính phủ và UBND thành phố phê duyệt về chuyển đổi số; từ nguồn ngân sách của thành phố được cấp theo quy định của pháp luật; huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

Các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch và đề xuất kinh phí trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được phân công.

VI. THỜI GIAN TỔ CHỨC

a) Thời gian tổ chức phát động: Hoàn thành trong tháng 5/2025.

b) Các hoạt động truyền thông, thực hiện Phong trào được tổ chức thường xuyên, liên tục trong các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì tham mưu phát động Phong trào “Bình dân học vụ số” trong tháng 5/2025.

b) Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy, Văn phòng Thành ủy, Công an thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số”.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp: điểm b, c, mục 1; điểm a, mục 2; điểm d, mục 3, phần IV.

d) Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số bảo đảm hạ tầng, đường truyền, kết nối Internet để thực hiện Phong trào.

đ) Xây dựng kế hoạch Tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện Phong trào. Chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai các hoạt động Tổ chuyển đổi số cộng đồng.

e) Lồng ghép thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Sở chủ trì.

g) Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hưởng ứng Phong trào “Bình dân học vụ số” trong ngành khoa học và công nghệ thành phố.

h) Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện Kế hoạch này. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng tiêu chí, công cụ đánh giá kết quả thực hiện Phong trào; tổ chức đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém trong

thực hiện Phong trào để tham mưu, đề xuất giải pháp, cách làm sáng tạo, hiệu quả, phù hợp thực tiễn và triển khai sâu rộng Phong trào trên địa bàn thành phố.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại mục 1, phần IV.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông, hệ thống thông tin cơ sở tăng cường, đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số”; thông tin về các tập thể, cá nhân tiêu biểu, điển hình trong thực hiện Phong trào trên các phương tiện thông tin đại chúng để động viên, khích lệ, khuyến khích Nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia.

c) Lồng ghép thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Sở chủ trì.

d) Tổng hợp kết quả tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền hưởng ứng Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số”; phối hợp các đơn vị, địa phương tìm kiếm, đề xuất vinh danh các tổ chức, cá nhân tiêu biểu trong triển khai Phong trào trên địa bàn thành phố.

3. Công an thành phố

a) Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số”.

b) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, giải pháp: điểm a, b, mục 3, phần IV; điểm d, mục 5, phần IV.

c) Bảo đảm an toàn, an ninh mạng để triển khai Phong trào.

d) Lồng ghép thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Công an thành phố chủ trì.

đ) Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hưởng ứng Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” trong ngành công an thành phố.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai phát động Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số”, các cuộc vận động, phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong toàn ngành; quan tâm lựa chọn và đưa nội dung chuyển đổi số vào chương trình giảng dạy, các hoạt động ngoại khóa ở các cấp học, bậc học.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp: điểm c, mục 2, phần IV; điểm b, mục 4, phần IV.

c) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chú trọng nâng cao năng lực đào tạo về công nghệ thông tin, đẩy mạnh triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số.

d) Lồng ghép thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” gắn với vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Sở chủ trì.

d) Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hưởng ứng Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” trong ngành giáo dục và đào tạo thành phố.

5. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp: điểm b, mục 2, phần IV; điểm a, mục 4, phần IV.

b) Lồng ghép thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Sở chủ trì.

c) Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hưởng ứng Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” trong ngành nội vụ thành phố.

6. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu thực hiện nhiệm vụ tại điểm d, mục 2, phần IV.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lên phương án bố trí kinh phí triển khai Kế hoạch đối với các nhiệm vụ, giải pháp cần đầu tư kinh phí như: tổ chức duy trì việc học tập nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) và các nền tảng học tập trực tuyến của thành phố (nếu có), kinh phí triển khai hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng, mạng lưới Đại sứ số, mô hình Chợ số - Nông thôn số,...

c) Lồng ghép thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Sở chủ trì.

7. Các sở, ban, ngành; các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn thành phố; UBND các quận, huyện, phường, xã

a) Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hưởng ứng Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” tại cơ quan, đơn vị và địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các nhiệm vụ, giải pháp có liên quan trong phần IV.

c) Huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân trong việc hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất để thực hiện Phong trào.

d) Lồng ghép thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do cơ quan, đơn vị chủ trì.

đ) Hằng năm, tổ chức soát xét, đánh giá, vinh danh kết quả thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số”; đề xuất cấp có thẩm quyền khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc, cách làm sáng tạo, hiệu quả trong triển khai tại cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc địa bàn khu dân cư theo quy định.

8. Thành đoàn Đà Nẵng

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại điểm e, mục 5, phần IV.

b) Chỉ đạo các cơ sở Đoàn phối hợp với chính quyền địa phương, Tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện các hoạt động, tổ chức ra quân phổ biến, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, kỹ năng số, ứng dụng thiết bị công nghệ số vào cuộc sống hàng ngày.

c) Lồng ghép thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Tỉnh đoàn chủ trì.

9. Các hội, hiệp hội công nghệ thông tin, an toàn thông tin và các doanh nghiệp công nghệ số

a) Hỗ trợ hạ tầng số và các nguồn lực về con người, tài chính; triển khai các chương trình, gói ưu đãi sử dụng sản phẩm, dịch vụ số cho người dân. Tham gia phát triển đa dạng các nền tảng số, phục vụ chính quyền, người dân trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

b) Xây dựng các khóa học, trực tiếp tổ chức các lớp học “Bình dân học vụ số” cho các nhóm đối tượng phù hợp với thể mạnh của hội, hiệp hội, doanh nghiệp công nghệ số. Điều động nhân sự tham gia đội ngũ giáo viên, tình nguyện viên triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số”.

VIII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao định kỳ hàng quý về UBND thành phố (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) chậm nhất vào ngày 10 của tháng cuối quý của năm báo cáo.

- TT Thành ủy;
- Ban TV Đảng ủy UBND thành phố;
- Ban chỉ đạo 57;
- Các Đảng ủy thuộc Thành ủy;
- VP UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND quận, huyện, phường, xã;
- Mặt trận Tổ quốc thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội;
- Các hội, hiệp hội CNTT, ATTT và các DN CNS;
- Lưu: VP, Sở KHCN.

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Kỳ Minh

305